

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN PHÚC VINH KINH BẮC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN PHÚC VINH KINH BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301236669

3. Ngày thành lập: 15/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11 Hồ Xuân Hương, khu Thanh An, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0327075843

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
5.	Bán mô tô, xe máy	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
25.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
26.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Chăn nuôi khác	0149
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
31.	Khai thác và thu gom than non	0520
32.	Khai thác quặng sắt	0710
33.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
34.	Dịch vụ đóng gói	8292
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
38.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
39.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
40.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
41.	Quảng cáo	7310
42.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
43.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
50.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
51.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
52.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
53.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
54.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
55.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

56.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
57.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
58.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
59.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
60.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
61.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
62.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
63.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
64.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
65.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
66.	In ấn	1811
67.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
68.	Sản xuất than cốc	1910
69.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
70.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
71.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
72.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
73.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
74.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
75.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
76.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
77.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
78.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
79.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
80.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
81.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
82.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
83.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
84.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
85.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
86.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
87.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
88.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
89.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
90.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829

91.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
92.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
94.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
95.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
96.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
97.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
98.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
99.	Bốc xếp hàng hóa	5224
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
102.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
103.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
104.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
105.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
106.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
107.	Xuất bản phần mềm	5820
108.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
109.	Đại lý du lịch	7911
110.	Điều hành tua du lịch	7912
111.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
112.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
113.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
114.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
115.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
116.	Xây dựng nhà để ở	4101
117.	Xây dựng nhà không để ở	4102
118.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
119.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
120.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
121.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
122.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
123.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

124.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
125.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CHU QUÍ TỐI	Tổ dân phố Đông, Thị Trấn Cao Thượng, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	024201014343	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000		

2	NGUYỄN PHONG HÀO	Thôn Tiến Sơn, Xã Hợp Đức, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	25,000	122332945
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	25,000	
3	HỒ TRỌNG NGHỆ	57 Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	405.000	4.050.000.000	45,000	0400580204 83
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	405.000	4.050.000.000	45,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU QUÍ TÔI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/11/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024201014343

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Đông, Thị Trấn Cao Thượng, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Đông, Thị Trấn Cao Thượng, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh